

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2023/TLST - HNGĐ, ngày 18/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 21/6/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐ-ST, ngày 10/7/2023 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 1140/TB-TA ngày 03/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997, số CMND: 184314821, do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 16/3/2015

HKTT: Thôn Hải Hoa, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Anh Dương Thành Đ, sinh năm 1995, số CMND: 184216920, do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 17/9/2012.

HKTT: Thôn Đại Đồng, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện lao động tại Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Thành Đ đăng ký kết hôn ngày 03/2/2016 tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Chị L, anh Đ tự

do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, không bị ai ép buộc, được gia đình hai bên nội ngoại tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Chị L trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống với bố mẹ anh Đ tại thôn Đại đồng, xã C, huyện N, cuộc sống vợ, chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ ham chơi, không chăm lo cho vợ con. Tháng 2/2017 anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, sang Hàn Quốc được 01 tháng anh Đ bỏ trốn khỏi công ty ra ngoài lao động bất hợp pháp, vợ chồng mâu thuẫn hơn vì chị L không đồng ý với việc bỏ ra ngoài của anh Đ. Năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn khi anh Đ không lo làm ăn mà chơi bời, gia đình phải gửi tiền sang để trả nợ cho anh rất nhiều lần. Chị L đã khuyên can anh Đ nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng cắt đứt liên lạc. Từ khi đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc đến nay anh Đ không về nước lần nào. Chị L xác định không còn tình cảm với anh Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Qua xác minh tại ông Dương Văn C – Bố đẻ anh Đ và biên bản ghi lời trình bày của anh Đ ngày 27/4/2023 cho biết vợ chồng mâu thuẫn là do sống xa cách nhau, quan điểm sống không phù hợp. Anh Đ đồng ý ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Chị L, anh Đ đều trình bày vợ chồng có 1 con chung tên là Dương Anh T, sinh ngày 21/8/2015. Anh Đ, chị L thống nhất giao con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Hiện cháu Tuấn đang ở với ông Dương Văn C, bà Dương Thị S là bố, mẹ đẻ của anh Đ, trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam, ông C, bà S là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Dương Thành Đ; về con chung: Giao con chung Dương Anh T, sinh ngày 21/8/2015 cho anh Dương Thành Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.00đ cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc chị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 8574/QLXNC-P5, ngày 18/4/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Dương Thành Đ đã xuất cảnh ngày 03/4/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về

nước. Theo thông tin người nhà anh Đ cho biết hiện tại anh Đ đang lao động tại nước Hàn Quốc. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Đ đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Dương Thành Đ qua ông Dương Văn C là bố đẻ của anh Đ. Ông C cho biết hiện tại anh Đ lao động tại Hàn Quốc, còn địa chỉ cụ thể ông không biết. Anh Đ điện thoại có hình ảnh, có sự chứng kiến của ông Dương Văn C, Tòa án đã ghi lại tại biên bản ngày 27/4/2023, anh Đ cho biết hiện tại anh đang lao động tại Hàn Quốc, công việc thay đổi, địa chỉ không ổn định nên anh Đ không thể cung cấp cho Tòa án. Anh Đ không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Anh Đ đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho anh thông qua ông Dương Văn C. Ông C đồng ý nhận văn bản và cam kết thông báo kịp thời, đầy đủ cho anh Đ biết. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 238, 477 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Thành Đ đăng ký kết hôn ngày 03/2/2016 tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn tuân thủ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không thể hàn gắn, tình cảm không còn. Anh Đ, chị L đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Dương Thành Đ.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên là Dương Anh T, sinh ngày 21/8/2015. Chị L có nguyện vọng giao con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh Đ đồng ý với ý kiến chị L. Cháu Tuấn có đơn trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu Tuấn có nguyện vọng được ở với bố. Hiện nay cháu Tuấn đang ở với Dương Văn C, bà Dương Thị S là bố mẹ đẻ của anh Đ, cháu Tuấn được ông C, bà S chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Dương Anh T, sinh ngày 21/8/2015 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Tuấn tròn 18 tuổi. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L, anh Dương Thành Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Dương Thành Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Anh T, sinh ngày 21/8/2015 cho anh Dương Thành Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/8/2023 cho đến khi cháu Tuấn tròn 18 tuổi. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000512 ngày 18/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị L còn phải nộp tiếp 300.000đ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- UBND xã nơi đăng ký KH;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

Trần Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Hồng

Nguyễn Thái Linh

Trần Thị Thu Hiền

